TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Môn học: **WSH416**

Thực tập chuyên ngành

BẢNG ĐIỂM THỰC TẬP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Học Kỳ III năm học 2014-2015

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
1	DTK0851020317	Tôn Văn	Anh	10/8/1990	5		B		**1.3**	Thiếu Ban	
2	DTK1051020167	Nguyễn Tuấn	Anh	20/08/92	6	b		6	**3.0**	Thiếu Ban	
3	DTK1151020063	Vũ Tuấn	Anh	27/12/93	2	7	8		**4.3**	Thiếu Ban	
4	DTK1151020290	Bùi Việt	Anh	19/11/93	6	8	8	6	**7.0**	Đạt	HTNC
5	DTK1151030179	Nguyễn Thị	Anh	4/4/1993	9	8		7	**6.0**	Thiếu Ban	
6	K125520216006	Phó Ngọc	Anh			8			**2.0**	Thiếu Ban	
7	DTK1051020086	Phạm Xuân	Ánh	24/07/92	9	7	8	8	**8.0**	Đạt	HTNC
8	1141100024	Vì Văn	Ba	30/07/90	8		8		**4.0**	Thiếu Ban	
9	DTK1151020413	Nguyễn Văn	Bắc	6/12/1992	6	5	8		**4.8**	Thiếu Ban	
10	DTK1151020352	Hoàng Văn	Bằng	6/5/1992				7	**1.8**	Thiếu Ban	
11	DTK1151020180	Hoàng Văn	Biên	9/5/1991		5	6	6	**4.3**	Thiếu Ban	
12	11110750008	Đặng Thái	Bình	27/03/89	9	7	8	8	**8.0**	Đạt	
13	DTK1151020235	Vũ Ngọc	Bình	5/4/1993	8	8	8	7	**7.8**	Đạt	
14	DTK1051020510	Dương Đức	Bùi		8	7	8	8	**7.8**	Đạt	
15	K125520201231	Bùi Văn	Cảnh				7	8	**3.8**	Thiếu Ban	
16	DTK0951020434	Phan Văn	Chi	18/03/91				8	**2.0**	Thiếu Ban	
17	DTK1151020476	Hoàng Thúy	Chinh	29/06/93	9	6	7	7	**7.3**	Đạt	HTNC
18	K125520216010	Đào Thị Việt	Chinh			8			**2.0**	Thiếu Ban	
19	DTK0951030009	Dương Văn	Chính	13/07/89	9	7	8	6	**7.5**	Đạt	
20	DTK1051020090	Bùi Văn	Chư	18/04/91	8	7	8	8	**7.8**	Đạt	HTNC
21	DTK0951020506	Nguyễn Bá	Chung	18/07/91	1	B	4	6	**2.8**	Thiếu Ban	
22	DTK1151020068	Phạm Huy	Cương	15/10/93	5		8	6	**4.8**	Thiếu Ban	
23	DTK0951020006	Lê Minh	Cường	13/08/91	8	5	B	7	**5.0**	Thiếu Ban	
24	DTK0951020221	Nguyễn Mạnh	Cường	23/09/91	K	5	6	6	**4.3**	Thiếu Ban	
25	DTK1051020170	Lê Minh	Cường	1/5/1992	6	6	8	8	**7.0**	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
26	DTK1151020182	Hoàng Văn	Cường	23/09/93		8	8		**4.0**	Thiếu Ban	
27	DTK1051020427	Nguyễn Vũ	Đại	10/12/1991	8	8	8	8	**8.0**	Đạt	
28	DTK1151020494	Nguyễn Văn	Đại	17/11/93	8	8	7	7	**7.5**	Đạt	
29	K125520201241	Trình Hoàng	Đại		9			8	**4.3**	Thiếu Ban	
30	DTK1151030124	Phạm Văn	Dậng	22/02/93	9	8	7		**6.0**	Thiếu Ban	
31	971020003	Phùng Đức	Đạt	11/12/1991	8	B	K	B	**2.0**	Thiếu Ban	
32	DTK0851020097	Đồng Văn	Đạt	13/05/90	1				**0.3**	Thiếu Ban	
33	DTK1051020615	Hoàng Tiến	Đạt	10/11/1992	4				**1.0**	Thiếu Ban	
34	DTK1151020118	Lê Văn	Đạt	11/3/1993	8	8	7	8	**7.8**	Đạt	
35	DTK1151020359	Nguyễn Trọng	Đạt				7	7	**3.5**	Thiếu Ban	
36	DTK0851020101	Đặng Văn	Đệ	5/3/1989	8	7	B	B	**3.8**	Thiếu Ban	
37	1141100014	Lò Văn	Diêm			4			**1.0**	Thiếu Ban	
38	DTK0851030015	Hoàng Văn	Điều		K	6	K	K	**1.5**	Thiếu Ban	
39	K125520201247	Phùng Văn	Định		8				**2.0**	Thiếu Ban	
40	K125520201165	Trần Thị Thanh	Dịu				8		**2.0**	Thiếu Ban	
41	K125520201004	Trần Văn	Độ	18/07/94	b				**0.0**	Thiếu Ban	
42	DTK1051020617	Vũ Duy	Đoàn	10/1/1992	8	8	8	8	**8.0**	Đạt	HTNC
43	K125520201169	Lê Văn	Đoàn			5			**1.3**	Thiếu Ban	
44	DTK0851020248	Mai Văn	Đông	25/02/90		3			**0.8**	Thiếu Ban	
45	K125520216281	Hà Văn	Đông		2	7			**2.3**	Thiếu Ban	
46	DTK1151020185	Nguyễn Văn	Dự	10/2/1990	9	8	8	7	**8.0**	Đạt	
47	0971020022	Võ Trung	Đức	16/04/91	1	7	K	K	**2.0**	Thiếu Ban	
48	DTK0951020500	Trần	Đức	7/6/1991	8	b	b	8	**4.0**	Thiếu Ban	
49	DTK1051020017	Diệp Anh	Đức	13/06/91	8	1	b	b	**2.3**	Thiếu Ban	
50	DTK1051020347	Nguyễn Văn	Đức	19/02/92	9	8	8	7	**8.0**	Đạt	
51	DTK1051020619	Bùi Anh	Đức	1/29/1992	9	2			**2.8**	Thiếu Ban	
52	DTK1151020246	Lý Trần	Đức	19/12/92	7				**1.8**	Thiếu Ban	
53	DTK1151020502	Đặng Minh	Đức	28/11/91	7	8	8	8	**7.8**	Đạt	HTNC
54	0971020004	Trương Trung	Dũng	5/3/1991	7	7	K	4	**4.5**	Thiếu Ban	
55	DTK1151020126	Đỗ Ngọc	Dũng	5/6/1993	8	8	8	7	**7.8**	Đạt	HTNC

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
56	DTK1151030014	Mông Văn	Dũng	3/12/1993	2				**0.5**	Thiếu Ban	
57	DTK1151020007	Nguyễn Văn	Dược	26/08/93	6	8	7	9	**7.5**	Đạt	
58	DTK1151020245	Lê Văn	Được	18/05/92	8	7	7	6	**7.0**	Đạt	HTNC
59	DTK1151020124	Đỗ Văn	Dương	23/11/92	8	8	7	8	**7.8**	Đạt	
60	DTK1151020301	Vũ Đình	Đường	12/8/1990	5	5		3	**3.3**	Thiếu Ban	
61	11110740269	Trương Văn	Duy	27/09/89	7	7		7	**5.3**	Thiếu Ban	
62	DTK0951020588	Vũ Ba	Duy	13/03/91	B			7	**1.8**	Thiếu Ban	
63	K125520201239	Lê Tiến	Duy				7	7	**3.5**	Thiếu Ban	
64	K125520201240	Nguyễn Thị	Duyên		8	8	7	9	**8.0**	Đạt	
65	1141100015	Tao Thị	Én	16/01/90	9	5	7	8	**7.3**	Đạt	
66	K125520216229	Đồng Ngọc	Giáp				8	8	**4.0**	Thiếu Ban	
67	1112064220	Lê Thanh	Hải	15/06/87	9		7	7	**5.8**	Thiếu Ban	
68	11110740172	Đinh Văn	Hải	20/05/87	9	6		8	**5.8**	Thiếu Ban	
69	DTK0851010088	Phạm Quang	Hải	9/1/1990			3		**0.8**	Thiếu Ban	
70	DTK0851020105	Phạm Nguyên	Hải	10/7/1990	6	B	2	5	**3.3**	Thiếu Ban	
71	DTK1051020021	Nguyễn Văn	Hải	15/01/91	6	7	7		**5.0**	Thiếu Ban	
72	K125520216230	Nguyễn Ngọc	Hải		8				**2.0**	Thiếu Ban	
73	11410740001	Vi Thị Ngọc	Hân	29/02/88	8	6		7	**5.3**	Thiếu Ban	
74	K125520216129	Hoàng Thu	Hằng				7	8	**3.8**	Thiếu Ban	
75	K125520201251	Bùi Văn	Hảo		9			5	**3.5**	Thiếu Ban	
76	DTK0851020257	Trần Đức	Hiền	21/11/89	7	7	K	6	**5.0**	Thiếu Ban	
77	DTK1151020251	Nguyễn Tuấn	Hiệp			4	8		**3.0**	Thiếu Ban	
78	11110740447	Trần Quang	Hiếu	24/11/89	7	6		6	**4.8**	Thiếu Ban	
79	DTK0851010681	Hoàng Trọng	Hiếu	20/05/90			0	8	**2.0**	Thiếu Ban	
80	DTK1051020190	Nguyễn Văn	Hiếu	27/08/92		9			**2.3**	Thiếu Ban	
81	DTK1151020077	Đặng Minh	Hiếu	6/4/1993	7	7	8	6	**7.0**	Đạt	
82	K125520201183	Đinh Văn	Hiếu		9		7		**4.0**	Thiếu Ban	
83	K125520216233	Nguyễn Đức	Hiếu			3	7		**2.5**	Thiếu Ban	
84	1141070016	Ma Văn	Hiệu	25/02/86			6	6	**3.0**	Thiếu Ban	
85	DTK1151060019	Ngô Thị	Hoa	14/04/93	8	7	8	8	**7.8**	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
86	11110740174	Nguyễn Khắc	Hòa	5/9/1988	8	9		7	**6.0**	Thiếu Ban	
87	0971020006	Đặng Thái	Hòa	14/10/91	1	7	5	K	**3.3**	Thiếu Ban	
88	DTK0851020187	Trần Ngọc	Hoàn	1/4/1990		4			**1.0**	Thiếu Ban	
89	DTK1051020029	Đỗ Đăng	Hoàng	20/06/90	1				**0.3**	Thiếu Ban	
90	DTK1051020276	Nguyễn Văn	Hoàng	19/08/92	6				**1.5**	Thiếu Ban	
91	DTK1151020021	Vi Việt	Hoàng	7/10/1993	8	7	7	7	**7.3**	Đạt	
92	DTK1151020080	Tạ Huy	Hoàng	13/12/93	6	8	8	8	**7.5**	Đạt	HTNC
93	DTK1151020082	Khúc Văn	Hoàng	31/12/93	4		8	5	**4.3**	Thiếu Ban	
94	K125520201262	Đỗ Trọng	Hoàng		8	5	7	7	**6.8**	Đạt	
95	11110740405	Bùi Văn	Hoạt	19/04/89	6	8	K	6	**5.0**	Thiếu Ban	
96	DTK1151060004	Trịnh Thị Thanh	Hồng	28/07/93	8		9		**4.3**	Thiếu Ban	Học theo nhu cầu
97	DTK1151020369	Nguyễn Văn	Hợp			7			**1.8**	Thiếu Ban	
98	DTK1151020134	Lưu Sỹ	Huấn				7		**1.8**	Thiếu Ban	
99	11110740274	Trịnh Minh	Hùng	22/12/89	8				**2.0**	Thiếu Ban	
100	DTK0951020597	Nguyễn Hữu	Hùng	7/8/1991	7	8	K	K	**3.8**	Thiếu Ban	
101	DTK1051020352	Tống Thanh	Hùng	23/04/92	4		7		**2.8**	Thiếu Ban	
102	K125520201180	Nguyễn Tuấn	Hùng	25/07/94		5	8		**3.3**	Thiếu Ban	
103	DTK1051020355	Vũ Văn	Hưng	30/03/92				7	**1.8**	Thiếu Ban	
104	DTK1151020491	Nguyễn Duy	Hưng	18/10/93	8	8	6		**5.5**	Thiếu Ban	
105	DTK1151030027	Đàm Văn	Hưng	28/11/92	8				**2.0**	Thiếu Ban	
106	K125520201185	Vũ Tiến	Hưng		9	7			**4.0**	Thiếu Ban	
107	DTK1151020187	Thân Thị	Hương	10/2/1993	9	7	7	7	**7.5**	Thiếu Ban	
108	DTK0851020414	Nguyễn Văn	Hướng	23/08/89		4	6		**2.5**	Thiếu Ban	
109	DTK0951020097	Đinh Công	Hường		8				**2.0**	Thiếu Ban	
110	DTK1151020256	Lê Văn	Huy	19/08/93		6	7		**3.3**	Thiếu Ban	
111	K125520201263	Lường Văn	Huy		8	6	7	8	**7.3**	Đạt	
112	1141100017	Lương Thị	Huyên	22/10/92	9	8	9	8	**8.5**	Đạt	HTNC
113	K125520201264	Dương Thị	Huyền		9	5			**3.5**	Thiếu Ban	
114	K125520216236	Hoàng Văn	Huynh				7	6	**3.3**	Thiếu Ban	
115	DTK1051020362	Hà Văn	Khang	1/8/1992	7	6	7	7	**6.8**	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
116	DTK1151020311	Nguyễn Duy	Khanh	27/09/93	5				**1.3**	Thiếu Ban	
117	K125520216293	Hoàng Công	Khanh		7			9	**4.0**	Thiếu Ban	
118	K125520201026	Nguyễn Huy	Khánh	12/3/1994	9	7	7		**5.8**	Thiếu Ban	
119	K125520216033	Nguyễn Tấn	Khánh		8	7	8	5	**7.0**	Đạt	
120	1141070047	Hà Đăng	Khoa	4/10/1989	5	0		7	**3.0**	Thiếu Ban	
121	DTK1151020312	Lê Văn	Khoa	24/12/92	8				**2.0**	Thiếu Ban	
122	DTK1051020548	Ngô Văn	Khôi	14/10/92	8	7	6		**5.3**	Thiếu Ban	
123	DTK1151020313	Giang Ngọc	Kiệt	8/5/1993	6	6	8	8	**7.0**	Đạt	HTNC
124	DTK1151030091	Nguyễn Như	Lai	11/9/1993				7	**1.8**	Thiếu Ban	
125	DTK0851020360	Cao Mạnh	Lâm	14/09/87	8	8		6	**5.5**	Thiếu Ban	
126	K125520201096	Nguyễn Đức	Lâm		8			7	**3.8**	Thiếu Ban	
127	K125520201029	Hoàng Ngọc	Lan	8/11/1993	9	9	8	8	**8.5**	Đạt	
128	K125520216307	Lưu Xuân	Liêm		7	5	7	8	**6.8**	Đạt	
129	K125520216039	Hoàng Thị	Liên			8		8	**4.0**	Thiếu Ban	
130	DTK1151020437	Nguyễn Tiến	Linh	23/08/93	2	8	8	7	**6.3**	Đạt	
131	DTK1051020282	Đỗ Tiến	Lộc	1/29/1992	7	7			**3.5**	Thiếu Ban	
132	11110740326	Nguyễn Lê	Lợi	8/3/1989	8	7		6	**5.3**	Thiếu Ban	
133	1141100005	Lò Văn	Lử	02/08/89	8	8	8	8	**8.0**	Đạt	
134	DTK0851020267	Trịnh Ngọc	Luân	8/7/1989	6	4	K	K	**2.5**	Thiếu Ban	
135	DTK1051020461	Vũ Hoàng	Luân	20/11/91	b		8		**2.0**	Thiếu Ban	
136	DTK1051020285	Triệu Bình	Lực	24/12/92			7	8	**3.8**	Thiếu Ban	
137	K125520216183	Nguyễn Trọng	Lương		6	6	7	6	**6.3**	Đạt	
138	DTK0851020195	Lưu Văn	Luyện	26/10/90	B	B	5	5	**2.5**	Thiếu Ban	
139	K125520216043	Đinh Thị	Ly					9	**2.3**	Thiếu Ban	
140	K125520216046	Nguyễn Thị	Mai	15/01/94		7		6	**3.3**	Thiếu Ban	
141	DTK1151020498	Nguyễn Văn	Mạnh		9	7	8	7	**7.8**	Đạt	
142	DTK1151020316	Nguyễn Ngọc	Minh	16/02/93	7	8	7	6	**7.0**	Đạt	
143	1111061114	Hoàng Văn	Nam	24/04/88	6		8		**3.5**	Thiếu Ban	
144	1112064236	Lê Văn	Nam	14/10/84	9				**2.3**	Thiếu Ban	
145	11110740184	Dương Văn	Nam	12/5/1988	7	6		6	**4.8**	Thiếu Ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
146	DTK0851020509	Đặng Quang	Nam	24/04/87	6	K	8	7	**5.3**	Thiếu Ban	
147	DTK0951020040	Nguyễn Văn	Nam	5/4/1991	9	6		6	**5.3**	Thiếu Ban	
148	DTK1051020125	Đặng Văn	Nam	3/6/1992	9	8	8	8	**8.3**	Đạt	HTNC
149	DTK1051020464	Trần Trung	Nam	26/09/90	7	7	8	8	**7.5**	Đạt	HTNC
150	DTK1051020558	Trần Thanh	Nam	12/4/1992			b		**0.0**	Thiếu Ban	
151	DTK1051020650	Nguyễn Hải	Nam	12/2/1992	b	6	8	7	**5.3**	Thiếu Ban	
152	DTK1051020650	Nguyễn Hải	Nam	12/2/1992	9				**2.3**	Thiếu Ban	
153	K125520201200	Hoàng Văn	Nam	7/5/1994	9	8	8	8	**8.3**	Đạt	HTNC
154	K125520216048	Nguyễn Thành	Nam		7	7	8	7	**7.3**	Đạt	
155	K125520216186	Nguyễn Hữu	Nghị				8	5	**3.3**	Thiếu Ban	
156	DTK1051020291	Cao Xuân	Nghĩa	10/6/1992			8		**2.0**	Thiếu Ban	
157	DTK1051020466	Cao Duy	Nghiệp	13/02/91	7	8	6	8	**7.3**	Đạt	
158	11110740186	Trịnh Đức	Ngọc	25/05/89	8	7	7		**5.5**	Thiếu Ban	
159	DTK1051020128	Đỗ Bình	Nguyên		8	6	8	8	**7.5**	Đạt	
160	DTK1151020037	Mai Đức	Nhâm	11/5/1992	7	8	7	7	**7.3**	Đạt	HTNC
161	K125520201106	Dương Thị Thanh	Nhung				7	9	**4.0**	Thiếu Ban	
162	K125520201038	Giáp Thị	Oanh				7	8	**3.8**	Thiếu Ban	
163	DTK0851060022	Phạm Văn	Pháp	29/10/89			6		**1.5**	Thiếu Ban	
164	DTK1151020387	Dương Văn	Pháp	15/06/93	9	8	6		**5.8**	Thiếu Ban	
165	K125520216145	Lê Văn	Phúc		8	6			**3.5**	Thiếu Ban	
166	K125520216189	Nguyễn Minh	Phúc				7	9	**4.0**	Thiếu Ban	
167	DTK1151020097	Hồ Việt	Phương	2/10/1993	7	8	8	6	**7.3**	Đạt	HTNC
168	DTK1151030039	Hoàng Minh	Phương	5/4/1993	7	8	7		**5.5**	Thiếu Ban	
169	K125520201276	Bùi Minh	Phương				7	6	**3.3**	Thiếu Ban	
170	DTK0851020275	Vũ Hồng	Quân	27/11/88	5	3	K	K	**2.0**	Thiếu Ban	
171	DTK0851020516	Đỗ Hồng	Quân	22/04/90	B	6	6	4	**4.0**	Thiếu Ban	
172	DTK0951020615	Nguyễn Viết	Quân	16/05/91	4	8	K	6	**4.5**	Thiếu Ban	
173	K125520216306	Tạ Văn	Quân				7	8	**3.8**	Thiếu Ban	
174	DTK0851020131	Hoàng Minh	Quang	16/11/90	5				**1.3**	Thiếu Ban	
175	K125520216147	Nguyễn Hào	Quang			7			**1.8**	Thiếu Ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
176	01110501194	Nguyễn Xuân	Quý	21/06/87		8			**2.0**	Thiếu Ban	
177	DTK1151020147	Bùi Xuân	Quý	20/09/92	8	6	8	7	**7.3**	Đạt	
178	DTK1151020270	Nguyễn Văn	Quý	9/11/1993	7	7	7	6	**6.8**	Đạt	
179	DTK1151020444	Hà Trọng	Quý	3/10/1992	9	8	8	8	**8.3**	Đạt	HTNC
180	DTK1051020298	Ngô Văn	Quyền	17/02/92		5	7	6	**4.5**	Thiếu Ban	
181	DTK1051020052	Bùi Văn	Quyết	26/01/92	6	7	8	8	**7.3**	Đạt	HTNC
182	DTK1051020135	Vũ Văn	Quyết	19/12/92	9	8	8	8	**8.3**	Đạt	HTNC
183	11110740432	Dương Văn	Quỳnh	26/10/86	9		4		**3.3**	Thiếu Ban	
184	CPC095010	Kim Ang	Seng	21/08/91	9	7	8	8	**8.0**	Đạt	HTNC
185	11110740241	Hoàng Quang	Sinh	19/10/89	8	4		7	**4.8**	Thiếu Ban	
186	K125520216252	Lương Gia	Sớm		7	6	8	6	**6.8**	Đạt	
187	DTK0951020764	Nguyễn Minh	Sơn	13/10/91	1	5	5	4	**3.8**	Không đạt	
188	DTK0851020134	Hà Trọng	Tấn	28/03/89	4	6	B	7	**4.3**	Thiếu Ban	
189	DTK1051020480	Trần Văn	Tấn	22/05/90			8	B	**2.0**	Thiếu Ban	
190	DTK1051020666	Trần Văn	Tạo	26/08/92	7	6	7	8	**7.0**	Đạt	
191	DTK1151020277	Chu Văn	Thạch	4/9/1992	9	8	8	8	**8.3**	Đạt	HTNC
192	DTK0951020766	Nguyễn Sỹ	Thái			b			**0.0**	Thiếu Ban	
193	K125520216059	Hồ Anh	Thái			7			**1.8**	Thiếu Ban	
194	11110740334	Nguyễn Ngọc	Thắng	6/4/1989	8	1		6	**3.8**	Thiếu Ban	
195	DTK0951060202	Đỗ Mạnh	Thắng	19/03/91		8		9	**4.3**	Thiếu Ban	
196	K125520201302	Ngô Văn	Thắng		8	5	7	5	**6.3**	Đạt	
197	DTK1051020228	Lường Huy	Thanh			2		5	**1.8**	Thiếu Ban	
198	DTK1151020280	Hoàng Công	Thế	13/12/92	9	6	8	7	**7.5**	Đạt	
199	K125520216200	Nguyễn Bá	Thêm		9	4	7	3	**5.8**	Đạt	
200	K125520216201	Nguyễn Tiến	Thi				7	5	**3.0**	Thiếu Ban	
201	11110740360	Nguyễn Văn	Thiện	1/8/1988	9	6		7	**5.5**	Thiếu Ban	
202	11110740040	Nguyễn Ngọc	Thiệp	22/08/88	8	7		6	**5.3**	Thiếu Ban	
203	K125520216202	Lê Đình	Thiết				7	8	**3.8**	Thiếu Ban	
204	1111061218	Nguyễn Mạnh	Thìn	14/07/88	8	K	7	7	**5.5**	Thiếu Ban	
205	DTK1151010154	Nguyễn Văn	Thịnh	18/09/93				7	**1.8**	Thiếu Ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
206	DTK0851020138	Bùi Đức	Thọ	21/10/90			7		**1.8**	Thiếu Ban	
207	DTK1051020484	Nguyễn Đình	Thọ	18/04/91	b	1	b	b	**0.3**	Thiếu Ban	
208	K125520216156	Nguyễn Tiến	Thọ			2			**0.5**	Thiếu Ban	
209	K125520201046	Triệu Thị	Thư		2	7	7	9	**6.3**	Đạt	
210	DTK0851010353	Vũ Xuân	Thuận	7/4/1990				7	**1.8**	Thiếu Ban	
211	DTK0951020195	Lê Minh	Thuận	18/12/91			6		**1.5**	Thiếu Ban	
212	1141070050	Lang Văn	Thức	1/9/1986	B	6	B	B	**1.5**	Thiếu Ban	
213	DTK1151020101	Nguyễn Duy	Thương		8	6	7	5	**6.5**	Đạt	
214	K125520216098	Trịnh Thị Kim	Thúy		9			8	**4.3**	Thiếu Ban	
215	11110740202	Nguyễn Thu	Thủy	10/10/1989	8	8		7	**5.8**	Thiếu Ban	
216	K125520216066	Nguyễn Thị	Thủy			7			**1.8**	Thiếu Ban	
217	11110740145	Nguyễn Văn	Tiến	27/02/88	9	2	K	7	**4.5**	Thiếu Ban	
218	DTK1051020235	Triệu Đức	Tiến	1/14/1992	6				**1.5**	Thiếu Ban	
219	DTK1051020584	Lưu Mạnh	Tiến	29/01/92	8	7	8	8	**7.8**	Đạt	
220	K125520201291	Vũ Mạnh	Tiến		9				**2.3**	Thiếu Ban	
221	K125520201298	Phạm Hữu	Tính			8	7	6	**5.3**	Thiếu Ban	
222	1141070043	Lương Mạnh	Toàn	28/09/88	B	1	B	B	**0.3**	Thiếu Ban	
223	DTK1151020461	Đỗ Văn	Toàn				7		**1.8**	Thiếu Ban	
224	K125520201058	Lê Văn	Toàn		8	7			**3.8**	Thiếu Ban	
225	K125520201293	Thân Đình	Toàn		8	7	7	8	**7.5**	Đạt	
226	K125520216097	Hàn Khánh	Toàn				7	8	**3.8**	Thiếu Ban	
227	DTK0951020415	Nguyễn Văn	Tráng	19/09/90	4	1	6	4	**3.8**	Không đạt	
228	DTK0951020199	Đoàn Ngọc	Trung	24/11/91	7	6	B	B	**3.3**	Thiếu Ban	
229	DTK1151020286	Nguyễn Thành	Trung	20/01/93		7		5	**3.0**	Thiếu Ban	
230	DTK1151020342	Nguyễn Đình	Trung	5/10/1993	8	7		6	**5.3**	Thiếu Ban	
231	DTK1151020342	Nguyễn Đình	Trung				7		**1.8**	Thiếu Ban	
232	K125520216209	Hà Nam	Trung				7	8	**3.8**	Thiếu Ban	
233	DTK1051020684	Ma Tử	Trường				7	8	**3.8**	Thiếu Ban	
234	DTK1151020459	Ninh Quang	Tú		8	7	7	5	**6.8**	Đạt	
235	K125520216069	Nguyễn Anh	Tú			7	8		**3.8**	Thiếu Ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
236	DTK1051060033	Trần Xuân	Tứ		8	8	7	9	**8.0**	Đạt	
237	DTK1151020460	Nguyễn Thị	Tứ	12/6/1993	b	b	6	7	**3.3**	Thiếu Ban	
238	1111061228	Ngô Minh	Tuân	20/04/87		7	7	7	**5.3**	Thiếu Ban	
239	111050717	Hoàng Văn	Tuấn		9				**2.3**	Thiếu Ban	
240	11110740102	Hoàng Anh	Tuấn	10/12/1989	8	8	7	K	**5.8**	Thiếu Ban	
241	11110740417	Nguyễn Thanh	Tuấn	15/06/89	9	9		7	**6.3**	Thiếu Ban	
242	DTK0851020387	Trịnh Anh	Tuấn	2/3/1990	6	1	4	4	**3.8**	Thiếu Ban	
243	DTK0951020278	Nguyễn Văn	Tuấn	1/9/1991	8		8	6	**5.5**	Thiếu Ban	
244	DTK1051020325	Cao Văn	Tuấn	24/10/92	6	8	b	b	**3.5**	Thiếu Ban	
245	DTK1051030065	Nguyễn Ngọc	Tuấn	26/12/92	B	B	B	7	**1.8**	Thiếu Ban	
246	DTK1151020052	Phạm Minh	Tuấn	10/9/1993	8	8			**4.0**	Thiếu Ban	
247	DTK1151020223	Nguyễn Anh	Tuấn		8	7		7	**5.5**	Thiếu Ban	
248	DTK1151020405	Vũ Văn	Tuấn	13/08/93	9	8	8	7	**8.0**	Đạt	
249	DTK1151030167	Dương Văn	Tuấn	8/1/1993	7	4	b		**2.8**	Thiếu Ban	
250	K125520201223	Nguyễn Văn	Tuấn		6				**1.5**	Thiếu Ban	
251	K125520216073	Lương Thành	Tuấn		8	7	7	8	**7.5**	Đạt	
252	K125520216268	Vũ Khắc	Tuất		8	7	7	8	**7.5**	Đạt	
253	11110740144	Phùng Thanh	Tùng	20/09/88		4		5	**2.3**	Thiếu Ban	
254	DTK0851020223	Vũ Hoàng	Tùng	11/5/1990	6	7	5	K	**4.5**	Thiếu Ban	
255	DTK0951020212	Nguyễn Thanh	Tùng	19/01/91	6		8	6	**5.0**	Thiếu Ban	
256	DTK0951020494	Bùi Thanh	Tùng	16/10/91	B	6	7	8	**5.3**	Thiếu Ban	
257	DTK0951020497	Nông Thanh	Tùng	9/1/1991	bỏ thi	6	5	7	**4.5**	Thiếu Ban	
258	DTK0951020784	Đoàn Duy	Tùng	29/03/90			7		**1.8**	Thiếu Ban	
259	DTK1051020069	Nguyễn Văn	Tùng			7	7		**3.5**	Thiếu Ban	
260	DTK1051020396	Dương Thanh	Tùng	10/17/1992	5	7	8	6	**6.5**	Đạt	
261	DTK1151020108	Dương Quý	Tùng	1/9/1993			8		**2.0**	Thiếu Ban	
262	DTK1151030217	Đặng Văn	Tùng	30/03/93	8	7	7	6	**7.0**	Đạt	
263	DTK1151030306	Trần Văn	Tùng	3/11/1993	7	8	5	6	**6.5**	Đạt	
264	K125520201289	Lê Nguyên	Tùng		9			6	**3.8**	Thiếu Ban	
265	K125520201307	Đào Gia	Tùng		9		7		**4.0**	Thiếu Ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
266	K125520216068	Triệu Sơn	Tùng		9	7			**4.0**	Thiếu Ban	
267	K125520216204	Vũ Việt	Tùng			6			**1.5**	Thiếu Ban	
268	DTK0951020785	Nguyễn Văn	Tước	10/6/1990	B	6	B	B	**1.5**	Thiếu Ban	
269	DTK1151020495	Phạm Đắc	Tưởng	19/07/93	4	7	7	7	**6.3**	Đạt	
270	DTK1151060012	Nguyễn Viết	Tưởng	1/3/1993			8	7	**3.8**	Thiếu Ban	
271	DTK0951020786	Vũ Viết	Tuyên	26/07/89	9	1		7	**4.3**	Thiếu Ban	
272	DTK0951020787	Nguyễn Văn	Tuyên	25/03/87	7	7	5		**4.8**	Thiếu Ban	
273	DTK1151020470	Vũ Đình	Tuyên	28/11/92	10	b	7	8	**6.3**	Thiếu Ban	
274	DTK1151030221	Đỗ Quang	Tuyền	3/12/1993	7	5	7	b	**4.8**	Thiếu Ban	
275	K125520201066	Đào Thị	Vân		3	5	7	7	**5.5**	Đạt	
276	K125520216076	Đặng Thị	Vân	23/09/94		7		7	**3.5**	Thiếu Ban	
277	DTK0951020069	Nguyễn Khang	Vần	10/6/1991	4	b	7		**2.8**	Thiếu Ban	
278	DTK0951020789	Nguyễn Đức	Vị	28/12/88	B	6	B	B	**1.5**	Thiếu Ban	
279	DTK0951020356	Trịnh Văn	Việt	25/10/91	7	7	8		**5.5**	Thiếu Ban	
280	DTK0951020790	Nguyễn Khắc	Việt	9/10/1990			7		**1.8**	Thiếu Ban	
281	DTK1151020467	Nguyễn Quốc	Việt	23/11/93	8	8	8	8	**8.0**	Đạt	HTNC
282	DTK1151020408	Trần Đình	Vinh	17/04/92	8	b	8	6	**5.5**	Thiếu Ban	HTNC
283	DTK0951020793	Đoàn Quang	Vịnh	11/10/1987	8	8		7	**5.8**	Thiếu Ban	
284	DTK0951020794	Nguyễn Đình	Vũ	12/7/1989	8	1		6	**3.8**	Thiếu Ban	
285	DTK0951020795	Nguyễn Duy	Vũ	12/6/1991	7				**1.8**	Thiếu Ban	
286	DTK1051020165	Hoàng Tuấn	Vũ	29/08/92		6	6	5	**4.3**	Thiếu Ban	
287	DTK1051020247	Nguyễn Duy	Vũ	12/6/1991		1			**0.3**	Thiếu Ban	
288	DTK1151020228	Nguyễn Tuấn	Vũ	20/05/92	9	5	6	8	**7.0**	Đạt	
289	K125520216269	Nguyễn Quốc	Vương				7	8	**3.8**	Thiếu Ban	
290	DTK0951020796	Nguyễn Văn	Vượng	7/5/1992				6	**1.5**	Thiếu Ban	
291	DTK1051020502	Nguyễn Thái	Vượng	15/12/92	9	7	8	8	**8.0**	Đạt	HTNC
292	K125520201069	Đỗ Thị	Yến		2	7	7	7	**5.8**	Đạt	
293	K125520201138	Hoàng Thị	Yến				7	8	**3.8**	Thiếu Ban	
294	DTK0951020586	Nguyễn Tá	Dũng	12/7/1990	8	1	8	5	**5.5**	Đạt	

Ấn định danh sách: 294 SV